

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 53/2018/HSST
Ngày 26 tháng 9 năm 2018

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La, ông Ngô Thanh Xuân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ Tòa
án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Xuân H; Sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không. ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã TTh, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lê Xuân H, sinh năm 1965. Con bà: Trần Thị Y, sinh năm 1970; vợ: Nguyễn Thị D (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con. Con lớn sinh năm 2013; con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/06/2018 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang.

-Người bị hại:

1. Vũ Xuân Th, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã QTh, huyện LG, tỉnh BG

2. Chu Thị L, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn S, xã TTh, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Công S, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Kh1, thị trấn K, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

2. Trần Ngọc H, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn ThB, xã TTh, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

3. Thân Đức Th, sinh năm: 1973; Địa chỉ: số nhà N, đường Hoàng Văn Th, phường NgQn, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân H, sinh năm 1991, cư trú tại thôn S, xã TTh, huyện LG đã thực hiện 01 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn huyện Lạng Giang. Cụ thể:

Buổi trưa ngày 01/6/2018, H đang ở nhà thì có anh Vũ Xuân Th, sinh năm 1970 ở thôn ĐB, xã QTh, huyện LG đi xe mô tô nhãn hiệu Honda wave α, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 98E1- 056.61 đến chơi. Trong lúc ngồi chơi uống nước, H đã nảy sinh ý định mượn xe của anh Th để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. H hỏi mượn xe mô tô và nói dối anh Th là để đi mua điện thoại trả góp, anh Th tưởng thật nên đã đồng ý. Sau khi mượn được xe, H mang theo giấy tờ và đi xe của anh Th đến cửa hàng điện thoại ĐT ở thôn S, xã TTh, huyện LG để làm thủ tục mua điện thoại trả góp nhưng không được, H đi về nhà cất giấy tờ rồi đi xe của anh Th đến nhà anh Dương Công S, sinh năm 1994 ở kh1, thị trấn K, huyện LG cầm cố xe của anh Th. H đã viết giấy vay anh S số tiền 4.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 056.61 của anh Th, chứng minh nhân dân của H. Do trước đây H nợ anh S 1.000.000 đồng nên anh S đã trừ nợ của H và giữ lại 200.000 đồng tiền lãi, số tiền còn lại anh S đưa H là 2.800.000 đồng, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng hơn 13 giờ ngày 05/06/2018, Lê Xuân H đi bộ từ nhà đến quán cà phê 79 ở kh3, thị trấn K, huyện LG do chị Chu Thị L, sinh năm 1990 ở thôn S, xã TTh, huyện LG làm chủ uống nước. Khoảng hơn 14 giờ H thấy chị L đi vào trong nhà vệ sinh, trong quán không có người, thấy chiếc chìa khoá xe mô tô Honda AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 98B2- 273.32 của chị L để ở trên mặt quầy bán hàng, H đã nảy sinh ý định trộm cắp. H lấy chìa khóa rồi dắt xe mô tô ra bên ngoài, mở khóa điện, nổ máy điều khiển xe đến xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam chơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H đi xe mô tô của chị L đến hiệu cầm đồ của anh Trần Ngọc H, sinh năm 1975 ở thôn Th B, xã TTh, huyện LG để cầm chiếc xe máy trên lấy 10.000.000 đồng. Trước đó, H kiểm tra cốp xe thì phát hiện thấy 01 ví da bên trong có 02 chìa khóa, 01 chứng minh nhân dân của chị L, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 273.32. H giao xe mô tô và giấy đăng ký xe cho anh H, anh H đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng. H đã dùng số tiền trên trả nợ cho anh Thân Đức Th, sinh năm 1973 ở số nhà N, đường Hoàng Văn Th, phường NgQ, thành phố BG 3.500.000 đồng, số tiền còn lại H chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 35 ngày 12/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 273.32 có giá 30.000.000 đồng; 01 ví màu đen nhãn hiệu Prada có giá 30.000 đồng. Tổng giá trị tài sản do H trộm cắp của chị L là 30.030.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 38 ngày 12/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang kết luận chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 056.61 H lừa đảo chiếm đoạt của anh Th có giá 10.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 56/KSĐT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Lê Xuân H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 và Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” áp dụng khoản 1 điều 173, Khoản 1 điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2

điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung đề nghị xử phạt bị cáo H từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và xử phạt H từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo. Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 106 BLTTHS Trả lại cho H 01 điện thoại di động Viettel cũ đã vỡ màn hình và số tiền 500.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả cho H 01 chứng minh nhân dân của H. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Chu Thị L số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo hoàn trả anh Trần Ngọc H số tiền 5.000.000 đồng, hoàn trả anh Dương Công S số tiền 2.800.000 đồng. Đối với anh Vũ Xuân Th không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị về án phí hình sự, án phí dân sự đối với bị cáo và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người liên quan.

Bị cáo Lê Xuân H hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát truy tố là đúng. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Anh Trần Ngọc H khai H đến gặp anh và nói xe mô tô Honda AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 98B2- 273.32 của bị cáo, đặt vấn đề cầm cố tài sản, anh đồng ý, tuy nhiên do giấy tờ chưa có căn cứ xác định chính chủ nên lập giấy vay. Anh đã đưa cho H 10 triệu đồng, sau đó chị L đã trả 5 triệu đồng để lấy xe về, nay anh yêu cầu H hoàn trả anh số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định quyết tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi:

Ngày 01/6/2018, với mục đích chiếm đoạt tài sản để lấy tiền ăn tiêu, bị cáo đã nói dối anh Vũ Xuân Th cho mượn xe mô tô Honda wave α, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 98E1- 056.61 của anh Th để đi mua điện thoại trả góp, nhưng thực chất bị cáo đã đem xe đi cầm cố, lấy tiền và tiêu sài cá nhân hết. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Th đã được định giá là 10.000.000 đồng.

Ngày 05/6/2018, lợi dụng sơ hở của chị Chu Thị L là chủ quán cà phê, bị cáo đã lén lút lấy trộm chìa khóa xe và xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 98B2 - 273.32 của chị Li để trong quán rồi đem đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Ngoài chiếc xe trên, bị cáo còn lấy 01 ví da bên trong có 02 chìa khóa, 01 chứng minh nhân dân của chị L, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 273.32. Trị giá tài sản chiếm đoạt được định giá xe mô tô là 30.000.000 đồng và 01 ví da màu đen, nhãn hiệu Prada trị giá 30.000 đồng.

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, với hành vi của bị cáo lén lút lấy tài sản của chị Chu Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự và với hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh Vũ Xuân Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo theo các tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, xét xử bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đầu thú, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Xuân H, xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật nhà nước ta bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương, do đó cần xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội. Bị cáo phạm nhiều tội nên HĐXX áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hiện không có nghề nghiệp, không có thu nhập hay tài sản gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 98B2 -273.32 của chị Chu Thị L bị cáo đã trộm cắp và đem cầm cố cho anh Trần Ngọc H lấy 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã chứng minh chị L đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô trên cùng chìa khóa xe, ví da, giấy đăng ký xe của chị và chị L đã đưa cho anh H 5.000.000 đồng để chuộc xe. Chị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Xét thấy đây là thiệt hại thực tế và yêu cầu của chị L phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bị cáo bồi thường số tiền trên.

Đối với chiếc xe mô tô Honda wave α , màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 98E1-056.61 của anh Vũ Xuân Th, anh Th đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Trần Ngọc H, anh Dương Công S nhận cầm cố tài sản của bị cáo, qua lời khai của bị cáo, anh H, anh S và tài liệu chứng cứ có trong vụ án, thì thấy bị cáo đã đem chiếc xe mô tô của chị L cầm cố cho anh H và chiếc mô tô của anh Th cầm cố cho anh S để lấy tiền anh H, anh S không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, do đó cơ quan điều tra, viện kiểm sát không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

Đối với việc anh H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng, HĐXX thấy có đủ cơ sở xác định anh H đã đưa cho bị cáo 10.000.000 đồng từ việc cầm cố xe, sau đó đã được chị L đưa cho 5.000.000 đồng để chuộc xe, số tiền còn lại 5.000.000 đồng anh H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả là đúng, cần buộc bị cáo trả anh H.

Đối với việc anh S yêu cầu bị cáo hoàn trả anh số tiền 3.800.000 đồng, HĐXX thấy, trên thực tế giữa bị cáo và anh S đều khai thỏa thuận cầm cố chiếc xe Honda wave α , màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 98E1- 056.61 với giá 4.000.000 đồng, song thực tế anh S chỉ đưa cho bị cáo 2.800.000 đồng và anh S giữ lại số tiền 1.200.000 đồng, như vậy chỉ cơ sở để buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh S 2.800.000 đồng. Đối với số tiền 1.000.000 đồng anh S khai bị cáo nợ ở khoản vay khác và yêu cầu bị cáo trả, HĐXX thấy không liên quan đến hành vi vi phạm của bị cáo trong vụ án này nên không xem xét. Anh S có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo trả số tiền trên trong trường hợp có tranh chấp trong vụ án dân sự.

Đối với việc bị cáo khai đã sử dụng tiền từ việc cầm cố tài sản trộm cắp trả anh Thân Đức Th 3.500.000 đồng, qua tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra HĐXX thấy không có cơ sở chứng minh để buộc truy thu.

Về Vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Viettel màn hình bị đập vỡ, số tiền 500.000 đồng của bị cáo Hi, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả cho H song được tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 chứng minh nhân dân ghi tên Lê Xuân H trả lại cho bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân H phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 điều 173; khoản 1 điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38; Điều 48; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Các điều 106; 135, 136, 331, 332, 333, 336, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 589, điều 357; 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điều 3, điều 21; điểm a, c khoản 1 điều 23, điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 08 (tám) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/6/2018.

+Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Chu Thị L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Buộc bị cáo hoàn trả cho anh Trần Ngọc H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Buộc bị cáo hoàn trả cho anh Dương Công S số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Lê Xuân H với 01 điện thoại di động Viettel màn hình bị đập vỡ và số tiền 500.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Xuân H.

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 640.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đặt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

VKSND huyện Lạng Giang;

TAND Tỉnh Bắc Giang;

THADS huyện Lạng Giang;

- Bị cáo; bị hại; người CQLNVLQ

- Lưu.

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng